

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG MỸ
TỈNH HẬU GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 41/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 28 - 04 - 2025

V/v tranh chấp về hôn nhân và gia
đình - ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG MỸ, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Thới Phần.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Mỹ Linh.

2. Bà Trần Thị Út .

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Huỳnh Mỹ Phương là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Ông Mạch Văn Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 04 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 17/2025/TLST- HNGĐ, ngày 10 tháng 02 năm 2025 về “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình - ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 03 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 57/2025/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 04 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lương Thị Mỹ L, sinh năm 1996. Địa chỉ: Ấp N, xã N, huyện C, tỉnh An Giang (vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Phạm Đăng K, sinh năm 1989. Địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện L, tỉnh Hậu Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lương Thị Mỹ L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Năm 2015 chị L và anh K tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Hậu Giang. Vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng về sau thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi làm mất tình cảm vợ chồng. Do mâu thuẫn vợ chồng không hàn gắn được, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị L yêu cầu được ly hôn với anh K.

Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình tiến hành tố tụng, từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ anh K để tiến hành phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng anh K đều vắng mặt không lý do nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh K. Anh Khoa cũng không thể hiện ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị L. Tại phiên tòa anh K vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Mỹ phát biểu ý kiến: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại tòa hôm nay, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng. Đối với những người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của pháp luật. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lương Thị Mỹ L; Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết; Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, để phân tích và đánh giá về những chứng cứ, những tình tiết của vụ án, hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Nguyên đơn chị Lương Thị Mỹ L khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với bị đơn anh Phạm Đăng K. Đối chiếu theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 51, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì quan hệ pháp luật trong vụ kiện này là “Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn”. Bị đơn anh Phạm Đăng K có địa chỉ cư trú tại ấp H, xã T, huyện L, tỉnh Hậu

Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Tại phiên tòa nguyên đơn chị Lương Thị Thùy L1 vắng mặt có đơn xin vắng mặt. Bị đơn anh Phạm Đăng K vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án không có lý do. Căn cứ theo quy định tại Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị L1 và anh K nhưng vẫn đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của họ theo quy định pháp luật.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị L1 và anh K tự nguyện kết hôn vào năm 2015, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên hôn nhân của anh chị được xem là hợp pháp. Quá trình chung sống anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn. Chị L1 cho rằng mâu thuẫn giữa chị và anh K không thể hàn gắn, chị L1 không thể tiếp tục sống chung với anh K được nữa nên yêu cầu được ly hôn với anh K. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành triệu tập chị L1 và anh K để hòa giải, động viên anh chị đoàn tụ nhưng chị L1 có đơn xin vắng mặt, anh K đã được triệu tập nhưng vắng mặt không có lý do. Đến thời điểm xét xử chị L1 vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Do đó, có đủ cơ sở để kết luận: Quan hệ tình cảm vợ chồng giữa chị L1 và anh K thật sự có mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, không cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc, anh chị đã ly thân nhưng đến nay vẫn không thể không thể hàn gắn. Từ đó cho thấy, đời sống chung của vợ chồng anh chị không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ mà chị H yêu cầu xin ly hôn với anh K là phù hợp theo khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L1. Cho chị L1 và anh K được ly hôn.

[2.2]. Về con chung: Chị L1 khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3]. Về tài sản chung: Chị L1 khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4]. Về nợ chung: Chị L1 khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị L1 phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), đã nộp xong.

[4]. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 273 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 9; Điều 51; Điều 53; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Mỹ L2 đối với anh Phạm Đăng K.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lê Thị Mỹ L2 và anh Phạm Đăng K.

2. Về con chung: Chị L2 khai không có và không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung: Chị L2 khai không có và không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Chị L2 khai không có và không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn chị Lê Thị Mỹ L2 phải nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Khấu trừ tiền tạm ứng án phí chị L2 đã nộp theo lai thu số 0010479 ngày 10/02/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang thành án phí.

6. Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tổng đạt hợp lệ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận

- VKSND huyện Long Mỹ;
- THADS huyện Long Mỹ;
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- UBND xã Thuận Hưng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Trần Ngọc Thới Phần

